

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

**HỘI NGHỊ SƠ KẾT TRIỂN KHAI
10 CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN NĂM 2006**

ĐÀ NẴNG – 4/2007

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI 10 CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN NĂM 2006

Năm 2006 Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thí điểm 10 chương trình tiên tiến (CTTT) trong 9 trường đại học. Việc tổ chức đào tạo theo chương trình tiên tiến trong một số trường đại học của Việt Nam nhằm các mục tiêu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

- Góp phần đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, đổi mới các trường đại học của Việt Nam;
- Nâng trình độ giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới;
- Xây dựng một số ngành đào tạo trở thành các ngành mạnh, khoa mạnh, đạt trình độ khu vực và quốc tế, tạo tiền đề cho từng trường phát triển dần thành trường đại học đẳng cấp quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đổi mới căn bản về nội dung và phương pháp giảng dạy, tổ chức và quản lý đào tạo, cách thức đánh giá và gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học;
- Nâng cao trình độ của giảng viên cả về kiến thức và trình độ ngoại ngữ, năng lực giảng dạy chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.
- Tăng cường hợp tác trao đổi với các trường đại học tiên tiến trên thế giới, từ đó tăng cường năng lực nghiên cứu của các trường đại học;
- Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng cao với môi trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.
- Nâng cấp đồng bộ các điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tư liệu, môi trường học thuật...) phục vụ việc dạy và học theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Tạo dựng một mô hình đào tạo chất lượng cao có khả năng lan tỏa sang nhiều ngành trong một trường và nhiều trường trong hệ thống.
- Tạo điều kiện để gắn kết các trường đại học thành các trung tâm học thuật đạt trình độ khu vực và quốc tế, thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu; tạo tiền đề để đến năm 2020 có 5000 sinh viên nước ngoài đến học các chương trình tiên tiến tại Việt Nam.
- Tạo ra một tác động để làm chuyển động toàn hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam theo hướng đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được với yêu cầu của xã hội và từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế.

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

Từ khi được giao nhiệm vụ triển khai CTTT, các trường đã chuẩn bị các nội dung: xây dựng đề án, tìm kiếm đối tác, chuẩn bị cơ sở vật chất, chuẩn bị đội ngũ giảng viên, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình quản lý. Đến nay cả 10 chương trình đã tuyển sinh và tiến hành đào tạo ở học kì II.

Trong thời gian từ ngày 10 - 19/01 và ngày 12/02/2007, Tổ công tác của Vụ Đại học và Sau đại học đã kiểm tra tình hình triển khai thực hiện 10 Chương trình tiên tiến tại 9 trường. Tổ công tác đã làm việc với các Ban chỉ đạo, gặp gỡ các giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên và thăm các cơ sở vật chất phục vụ cho chương trình tiên tiến. Sau đây là báo cáo tổng hợp tình hình:

1. Tính chủ động và đáp ứng của các trường đối với việc triển khai CTTT

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo các trường đã chủ động thành lập Ban chỉ đạo (phụ lục 5), hầu hết thành lập trước tháng 5/2006, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện CTTT như: các qui định tạm thời cho CTTT; những qui định ưu tiên cho CTTT sử dụng các trang thiết bị giảng dạy, thư viện, phòng học, phòng thí nghiệm; qui định về mức thù lao cho giảng viên, trợ giảng, cố vấn học tập ... tuy nhiên tiến độ thực hiện các công việc còn chậm và chưa thật đầy đủ.

Một số trường triển khai chậm ở một số việc so với kế hoạch và tiến độ của Bộ đề ra: xây dựng đề án (Đại học Huế, Đại học NNI), xây dựng chương trình đào tạo, cử giảng viên đi tập huấn ở trường đối tác (ĐHKHTN Hà Nội – giảng viên chưa đi tập huấn, Đại học Huế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân), quyết toán tài chính (Đại học Huế, Trường ĐHKHTNHN, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Đại học NNI).

2. Quan hệ với trường đối tác

Ở các mức độ khác nhau, các trường đã thiết lập được những mối quan hệ hợp tác với các trường đối tác. Nhiều trường có sự hợp tác từ trước, hoặc có sự hỗ trợ của giảng viên việt kiều hay các công ty nước ngoài khác nên đạt được các thỏa thuận tốt và có hiệu quả (như ĐHKHTN TPHCM, ĐH Đà Nẵng, ĐH Cần Thơ, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Nông nghiệp I...). Một số trường đối tác cử người làm điều phối viên cho CTTT (ĐH bang Michigan với ĐH Cần Thơ; ĐH Portland bang Oregon với ĐHKH Tự nhiên TP HCM)

Đến nay đã hoàn tất việc tiếp xúc và ký văn bản hợp tác giữa 9 trường đại học Việt Nam với 8 trường đối tác của Hoa Kỳ (phụ lục 1). Theo xếp hạng hàng năm của US. New về thứ hạng của các trường đại học ở Hoa Kỳ (phụ lục 2, phụ lục 3) các trường đối tác được đánh giá khá cao:

- 5 trường đối tác thuộc nhóm 126 trường đại học hàng đầu Hoa Kỳ: ĐH Michigan - đối tác của Trường ĐH Cần Thơ ngành CN sinh học - xếp thứ 24; ĐH Virginia - đối tác của Đại học Huế ngành Vật lý - xếp thứ 24; ĐH Illinois at Urbana&Champaign- đối tác của ĐHBKHN ngành KH & KT Vật liệu, Trường

ĐHKHTN Hà Nội ngành Hoá học, Trường ĐHBK TpHCM ngành hệ thống năng lượng - xếp thứ 41; ĐH Washington - đối tác của ĐH Đà Nẵng ngành điện tử viễn thông - xếp thứ 42; UC Davis xếp - đối tác của Trường ĐHNNI ngành Khoa học cây trồng - thứ 47.

- 02 trường đối tác thuộc nhóm 63 trường đại học hàng đầu ở khu vực miền tây Hoa Kỳ: CSU Long Beach - đối tác của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân ngành Tài chính - xếp thứ 27; CSU Chico - đối tác của Trường ĐHBK Hà Nội ngành Cơ - Điện tử - xếp thứ 31, đây là trường đầu tiên phát triển chương trình Cơ - Điện tử ở Hoa Kỳ.

- Chỉ có Trường Portland State University (PSU)- đối tác của Trường ĐH KHTN Tp HCM ngành Công nghệ thông tin- không thuộc trong các nhóm trên, xếp thứ 225 theo bảng xếp hạng của Webometrics (phụ lục 4).

Trong các văn bản hợp tác đều được các trường đối tác cho phép sử dụng chương trình gốc, sử dụng giáo trình, giúp xây dựng chương trình đào tạo và cử giảng viên tham gia giảng dạy theo các mức độ khác nhau (phụ thuộc vào thời gian của các giáo sư của trường đối tác và kinh phí chi trả). Có trường đối tác thoả thuận giúp kiểm định chất lượng (ĐH Washington với ĐH Đà Nẵng), giám sát, cấp bằng (ĐH Portland với ĐHKHTN TpHCM), cử đại diện sang giúp xây dựng chương trình đào tạo, tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm (UC Davis với trường ĐHNNI, CSU Chico với Trường ĐHBKHN). Đại diện của trường đối tác đã sang thăm, trao đổi xây dựng CTTT và trao đổi với sinh viên CTTT (ĐH Cần Thơ, ĐH Nông nghiệp I, ĐH Bách khoa HN – ngành Cơ - Điện tử, ĐH Huế).

3. Chuẩn bị cơ sở vật chất

Các trường đều dành phòng học riêng cho CTTT, có trang bị máy lạnh, thiết bị hỗ trợ giảng dạy: projector, overhead, đầu video, caset. Tuy nhiên có trường đã dành phòng học riêng nhưng trang bị còn nghèo nàn (ĐH Huế).

Hầu hết các trường đã mua hoặc đặt mua sách, giáo trình qua Xunhasaba hoặc giáo viên sang tập huấn trực tiếp mua về.

Các trường đã có các phòng thí nghiệm hiện đại được trang bị sẵn từ Dự án đại học I và các nguồn tài trợ khác, như Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH NNI, Trường ĐHKHTN Tp HCM, ĐH Đà Nẵng ... Các phòng thí nghiệm này chủ yếu là các phòng thí nghiệm nghiên cứu, nếu sử dụng giảng dạy sẽ không có hiệu quả. Sau những đợt tiếp xúc và tập huấn ở trường đối tác, các trường đã nhận thấy vai trò quan trọng của của các phòng thí nghiệm học tập (teaching labs) - hiện đang rất thiếu ở các trường - cần phải có kế hoạch phát triển.

Các trường có hệ thống thư viện và mạng internet phục vụ tốt cho ngành đào tạo là ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế, Trường ĐH Cần Thơ (các trường này có trung tâm học liệu phục vụ tốt cho việc tự học và khai thác tài liệu điện tử), tương đối tốt là Trường ĐHKH Tự nhiên TP HCM và Trường ĐHBK Hà Nội. Những trường còn lại ở mức độ trung bình.

4. Đội ngũ giảng viên

Các trường đều sử dụng đội ngũ giảng viên có bằng thạc sỹ trở lên và đủ trình độ ngoại ngữ tham gia giảng dạy CTTT. Các trường ĐH KHTN Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế có dưới 15 giảng viên, các trường còn lại đều số lượng giảng viên trên 15 người, nổi bật nhất là Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐHKHTN TpHCM. Để tăng cường trình độ ngoại ngữ cho giảng viên một số trường tiến hành bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên (trường ĐHBKHN).

Đến nay chỉ còn trường ĐHKHTN Hà Nội là chưa cử giảng viên và cán bộ quản lý đi tập huấn ở trường đối tác. Các trường khác đã hoàn tất công việc này trong khoảng thời gian từ tháng 10/2006 đến tháng 4/2007. Các giảng viên và cán bộ quản lý của các trường sau khi đi tập huấn ở trường đối tác đã tỏ ra tự tin và có nhiều đóng góp tích cực trong việc định hướng xây dựng phòng thí nghiệm, xây dựng chương trình đào tạo, lập kế hoạch giảng viên và trợ giảng, tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, xác định vai trò và nhiệm vụ của cố vấn học tập.

5. Tuyển sinh

Các trường đều tuyển sinh từ các sinh viên trúng tuyển vào trường, một số trường tuyển cả sinh viên trúng tuyển trường khác (ĐH Bách khoa TP HCM) hay sinh viên lớp trên (ĐH Nông nghiệp I), sau đó kiểm tra tiếng Anh để chọn lọc. Sau khi nhập học có sinh viên đã xin chuyển ra chương trình bình thường. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân công bố mã số ngành tuyển riêng trong kỳ tuyển sinh đại học, sau đó lại nhận bổ sung và kiểm tra tiếng Anh. ĐH Huế giao cho ĐHSP tổ chức đào tạo CTTT ngành Vật lý với sự tham gia của ĐH Khoa học, ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế điều hành chung, kể cả tài chính. Sự phối hợp chưa tốt nên còn chệch choạc và chưa năng động. Thông tin đến sinh viên rất thiếu, sinh viên còn nhiều băn khoăn lo lắng, chưa yên tâm học tập.

Tổng số sinh viên hiện theo học 10 chương trình là 420, trong đó:

ĐH Đà Nẵng: 46; ĐH Huế: 26;

ĐH Bách khoa TP HCM: 37; ĐH KH Tự nhiên tp HCM: 55;

ĐH Cần Thơ: 27; ĐH Nông nghiệp I: 49

ĐH Bách khoa HN: 34 và 18; ĐH Kinh tế quốc dân: 88;

ĐHKH Tự nhiên HN: 40 (gộp cùng sinh viên tài năng).

Đầu vào của sinh viên ĐH Huế thấp hơn cả: điểm chuẩn xét vào CTTT ngành Vật lý -17 điểm khối A; điểm kiểm tra tiếng Anh - 30/100 điểm theo đề thi của Trường.

Vấn đề tuyên truyền cho CTTT được tiến hành chưa mạnh và chưa đồng bộ thể hiện: qua tiếp xúc với sinh viên các CTTT Đoàn kiểm tra thấy rằng nhận thức của sinh viên về mục tiêu của CTTT, nhiệm vụ và quyền lợi của sinh viên theo học chưa rõ ràng (sinh viên ĐH Huế, SV Trường ĐHKHTN Hà Nội, SV Trường ĐHNHI); các thông tin quảng cáo cho khoá 2 của CTTT không được thể hiện trong cuốn những

điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2007 (ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐHNHI).

Sau học kỳ I đa số sinh viên CTTT đều có trình độ tiếng Anh tiến bộ rõ rệt, sẵn sàng cho các môn học chuyên môn bằng tiếng Anh, nổi bật nhất là sinh viên của Trường ĐHKHTN TpHCM, Trường ĐHBK TpHCM. Các trường sẽ có báo cáo cụ thể về kết quả học tập học kỳ I của CTTT.

6. Tổ chức và quản lý đào tạo

Nói chung, chỉ những trường đã triển khai đào tạo tín chỉ mới triển khai đào tạo tín chỉ ở chương trình này (ĐH BK TP HCM, ĐH Cần Thơ, ĐHKH Tự nhiên TP HCM); các trường khác triển khai từng phần hoặc sử dụng CTTT để chuyển sang đào tạo theo tín chỉ (ĐH Đà Nẵng, ĐHKH Tự nhiên HN, ĐH Bách khoa HN). ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Huế, ĐH Nông nghiệp I vẫn chủ yếu đào tạo theo niên chế kết hợp với học phần với lý do số lượng sinh viên còn quá ít.

Đa số các trường áp dụng phần lớn quy định học vụ của trường đối tác. Trong học kỳ I, Trường ĐH Bách khoa TP HCM đã cho sinh viên học ngay 4 môn chuyên môn bằng tiếng Anh, Trường ĐH Cần Thơ đã bố trí một số môn giới thiệu về chuyên ngành, các trường còn lại tổ chức dạy tiếng Anh và các môn khoa học chính trị. Một số trường đã thuê giáo viên bản ngữ phụ trách dạy tiếng Anh cho CTTT (ĐH Đà Nẵng, ĐHKH Tự nhiên HN), hoặc mời giáo viên bản ngữ giảng dạy trong một số tuần (ĐH Bách khoa HN, Trường ĐHNHI). Một số trường dự kiến chưa dạy các môn của ngành trong năm thứ I cho sinh viên (ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế, ĐH KH Tự nhiên HN, ĐHNHI).

Luân chuyển sinh viên: ĐH Đà Nẵng sau 1 năm những SV không đạt 500 TOEFL sẽ chuyển ra ngoài, có thể lấy vào sinh viên đạt 61 TOEFL IBT, kể cả bằng 2, thu học phí như sinh viên bằng 2. ĐH Huế, ĐHKQTĐ...: SV không đáp ứng yêu cầu tiếng Anh sau năm thứ nhất sẽ phải chuyển ra khỏi chương trình.

Hầu hết các trường phân công cán bộ phụ trách riêng, cử cố vấn học tập là các giảng viên có nhiệt tình, đủ trình độ và đã được đào tạo ở nước nói tiếng Anh. ĐH Đà Nẵng, trường ĐHBK Hà Nội đã bố trí văn phòng riêng cho Ban điều hành CTTT.

Một số trường đã xây dựng website về CTTT (ĐH Đà Nẵng), áp dụng phần mềm quản lý chương trình, đăng kí môn học, nộp bài online... (ĐH Bách khoa TP HCM) hoặc đang xây dựng phần mềm quản lý (ĐH Đà Nẵng, ĐH Bách khoa HN).

Một số trường đã có quy định tạm thời về quản lý sinh viên (ĐH Huế, Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐHNHI).

7. Chương trình đào tạo

Các trường đã phân tích chương trình gốc và xin ý kiến tư vấn của trường đối tác để xây dựng chương trình đào tạo của Trường.

Trong 10 CTTT chỉ có 3 chương trình Hoá học, Vật lý, Công nghệ sinh học trùng với tên chương trình thuộc chương trình khung (CTK) đã ban hành của Bộ, số còn lại không thuộc CTK đã ban hành. Các chương trình này đều có kết cấu khối

kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, nhưng khối lượng có thay đổi và nhiều lựa chọn. Các môn học trong khối kiến thức cốt lõi của các ngành truyền thống như Hoa học, vật lý có nhiều nét tương đồng với CTK.

CTTT của ngành công nghệ sinh học có khối kiến thức đại cương 50 TC trong khi CTK qui định 40 TC (60đvht), không có các môn Xác suất thống kê, Khoa học trái đất, bổ sung các môn Hoá đại cương, sinh học đại cương, nâng cao kỹ năng tiếng Anh. Khối kiến thức cơ sở ngành 32TC trong khi CTK qui định 19đvht, không có môn Hoá phân tích, Tế bào học, , thay bằng các môn về sinh học và di truyền, môn Tiến hoá và đa dạng sinh học đưa sang tự chọn. Khối kiến thức chuyên ngành gồm 17 TC bắt buộc, 19 TC tự chọn trong 44 TC, trong khi CTK yêu cầu tối thiểu 31đvht (20TC)

Các chương trình của ĐH Đà Nẵng, ĐH Bách khoa HN, ĐHKH Tự nhiên HN có thời gian đào tạo 5 năm, số còn lại có thời gian đào tạo 4,5 năm; một số chương trình đào tạo dự kiến có thêm học kỳ hè để có điều kiện thuận lợi thuê giảng viên của trường đối tác (ĐH Đà Nẵng, DII Cần Thơ, DII Nông nghiệp I).

Về cơ bản, các trường áp dụng nguyên chương trình đào tạo của trường đối tác, kể cả đề cương chi tiết bài giảng, tuy nhiên khả năng lựa chọn có thu hẹp, do hạn chế nguồn giảng viên ở trường đối tác có thể sang dạy các môn này. Các trường đã lược bỏ các môn khoa học xã hội nhân văn (social sciences and humans) của chương trình gốc để thay bằng các môn Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh chính trị, giáo dục thể chất và quốc phòng. Một vài trường xây dựng được sơ đồ chương trình (curriculum chart) thuận lợi cho sinh viên đăng ký học tập ở các kỳ khi tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ (ĐH Đà Nẵng, Trường ĐHBK TpHCM). Một số chương trình có nhiều định hướng chuyên ngành với các môn học lựa chọn cho sinh viên năm cuối (CT Vật lý của ĐH Huế, CT KH&KT Vật liệu của Trường ĐHBKHN).

Sau một thời gian hoàn thiện và định dạng theo một thể thống nhất, đến nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được 8 chương trình đào tạo, còn thiếu hai chương trình đào tạo của Trường ĐHKHTN TpHCM và ĐH Huế.

8. Đảm bảo tài chính

Các chương trình tiên tiến được hỗ trợ tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước trong 3 khoá đầu. Để phát triển lâu dài và bền vững các chương trình cần có kế hoạch và chiến lược cụ thể về chế độ thu học phí và thu hút các nguồn tài chính khác. Hướng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo là đảm bảo cân đối giữa đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo và chi trả để phát triển bền vững.

Một số trường có chế độ học phí hướng tới cân đối thu chi: ĐHKH Tự nhiên TP HCM đào tạo cấp hai bằng với mức thu học phí 6000 \$/khóa (trong đó 4.000 \$ chi phí cho Trường đối tác trong việc giám sát đào tạo và cấp bằng), ĐH Bách khoa TP HCM và ĐH Kinh tế quốc dân thu 500\$/năm (trong đó ĐHBK Tp HCM tuyên bố trường đã tài trợ 500\$/năm/SV), ĐH Cần Thơ thu học phí 4.000.000 đ/năm và đang đàm phán để cấp hai bằng, ĐH Huế miễn học phí cho sinh viên CTTT do nguồn sinh

viên hầu hết đăng kí thi vào sư phạm, các trường còn lại thu học phí như sinh viên bình thường (180.000 – 200.000 đ/tháng), trong đó ĐHKH Tự nhiên HN và Trường ĐHBK Hà Nội có trợ cấp thêm học bổng cho sinh viên CTTT như sinh viên hệ kỹ sư tài năng và cử nhân chất lượng cao.

9. Xây dựng đề án triển khai CTTT

Các trường đã xây dựng đề án triển khai đào tạo theo chương trình tiên tiến. Trong đề án đã thể hiện được các nội dung như hướng dẫn của Bộ tại công văn 300, tuy nhiên các trường cũng cần phải hoàn thiện, bổ sung thêm một số nội dung trong đề án: xác định rõ mục tiêu của từng giai đoạn, phân tích chương trình gốc, lộ trình kiểm định chất lượng, đánh giá hiệu quả của đề án. Đặc biệt là sau khi đã làm việc cụ thể với trường đối tác, một số giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo đã đi tập huấn ở trường đối tác.

Đánh giá chung:

Đa số các trường đều nhận thức được đây là hướng chiến lược để đổi mới giáo dục đại học Việt Nam. Các trường đã có nhiều cố gắng triển khai và thực hiện tương đối thành công các CTTT theo yêu cầu đề ra, trong đó nổi bật Trường ĐH Khoa học tự nhiên Tp HCM đã phát huy mọi mối quan hệ để có hợp tác chặt chẽ với trường đối tác trong việc tổ chức và quản lý đào tạo để cấp hai bằng tốt nghiệp, Trường ĐH Cần Thơ có đội ngũ giảng viên khá mạnh, có một quyết tâm rất cao, phát huy các kết quả hợp tác quốc tế trước đây với Hà Lan, Malaixia, Bỉ, DA GDDH I... tạo ra các tiền đề thuận lợi để phát triển chương trình tiên tiến, có ý thức rất rõ về việc phát triển nhân rộng ra các ngành khác và coi việc triển khai CTTT này như “bật đèn xanh” trong việc giảng dạy các chương trình bằng tiếng Anh trong trường đại học. Nói chung, các trường đối tác của Hoa Kỳ rất quan tâm đến CTTT, thậm chí ngạc nhiên về sự mong muốn lớn lao của trường đại học Việt Nam đối với CTTT, hoặc qua gặp gỡ trao đổi với sinh viên đều đánh giá cao về sinh viên và sự chuẩn bị cho CTTT.

Kì tuyển sinh đầu tiên rất nhiều trở ngại, khó khăn, nhưng đến nay có thể nói các trường đã khá linh hoạt, sáng tạo và chủ động để đảm bảo triển khai đào tạo được khóa đầu tiên. Một số trường đã có những bước đi khá vững chắc, chủ động là Trường ĐHKHTN TP HCM, Đại học Đà Nẵng, ĐH Cần Thơ, ĐH Bách khoa TP HCM, tiếp theo là các trường ĐH Bách khoa HN, ĐH Nông nghiệp I, ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH KHTN Hà Nội và ĐH Huế.

Khó khăn:

- Số lượng sinh viên ít, khó tổ chức đào tạo triệt để theo học chế tín chỉ.
- Phụ huynh và sinh viên chưa yên tâm và tin tưởng vào mục tiêu và đầu ra của CTTT (ĐH Huế, ĐH Bách khoa TP HCM, ĐH Nông nghiệp I), các trường cần phải tăng cường quảng bá trong và ngoài trường về CTTT.
- Trình độ tiếng Anh của giảng viên và sinh viên còn hạn chế nên có ảnh hưởng đến quá trình dạy và học bằng tiếng Anh.

- Sinh viên Việt Nam chưa có nề nếp trong việc tự giác chấp hành các quy định bảo mật password, bảo mật mạng hay tài nguyên học tập khác... nên sẽ có ảnh hưởng đến việc hợp tác, sử dụng tài nguyên chung với trường đối tác.

- Hệ thống mạng và tốc độ đường truyền internet còn hạn chế.

- Việc mời giảng viên trường đối tác sang tham gia giảng dạy có nhiều khó khăn không chỉ do hạn chế về kinh phí mà còn do bố trí thời gian của các giảng viên trường bạn.

- Việc thỏa thuận đề trường bạn cấp bằng là cực kì khó khăn, có trường đã trả lời thẳng là không cấp bằng ngoài lãnh thổ nước Mỹ (CSU Long Beach với ĐH KTQD).

- Thủ tục cử giảng viên và cán bộ quản lý đi tập huấn ở trường đối tác theo chế độ Đề án 322 quá chậm và phức tạp, có trường đã phải thay đổi kế hoạch tới 3 lần như Trường ĐH Nông nghiệp I, Trường ĐH Cần Thơ, hơn nữa sinh hoạt phí theo Đề án 322 rất thấp so với mức sinh hoạt ở Hoa Kỳ.

- Chưa có qui định cụ thể về chi tiêu tài chính đối với CTTT.

- Kinh phí được cấp còn hạn chế để xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên đề, phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy (Teaching Labs), các trường cần có biện pháp hợp lý để huy động các nguồn lực khác nhau phục vụ cho công việc này.

- Việc mua giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy CTTT phải thông qua Xunhasaba, các công ty trong nước xuất nhập khẩu ... nên thường chậm, chi phí cao, chưa kể các textbooks chỉ được sử dụng trong trường đại học nên khó mua bán trên thị trường. Trường ĐHBK Hà Nội đã giải toả được việc này bằng cách làm việc với Kho bạc đạt được nhất trí về thanh toán tiền giáo trình do Trường trực tiếp mua ở Trường đối tác.

- Cơ cấu chi tiêu tài chính cho CTTT năm 2006 chưa thuận lợi để vận hành chương trình, bên cạnh đó các trường phải chi phí nhiều thời gian cho việc hoàn thiện các thủ tục quyết toán với các đơn vị liên quan như kho bạc ...

Kiến nghị của các trường:

Về tổ chức, hoạt động

- Có quy định về việc kiểm định CTTT: các tiêu chí kiểm định, tổ chức kiểm định trong và ngoài nước.

- Thành lập mạng lưới hoạt động giữa các trường triển khai CTTT để thuận lợi trong việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm. *(bao gồm SV và giảng viên)*

- Tổ chức cho sinh viên đi tham quan các trường có chương trình tiên tiến, giao lưu giữa giảng viên và sinh viên chương trình tiên tiến của các trường với nhau.

- Việc mời 100% giảng viên nước ngoài là không khả thi, đề nghị cho phép mời giảng viên từ nhiều nguồn khác nhau: các giảng viên Hoa Kỳ ở ngoài trường đối tác, giảng viên ở nước khác, giảng viên trong nước đã dạy trong các chương trình liên kết....

Về tài chính

- Đề nghị có quỹ hỗ trợ, có cơ chế cho sinh viên vay tiền học phí, mua máy tính...

- Đề nghị cho sử dụng kinh phí CTTT cấp bù sinh hoạt phí cho giảng viên và cán bộ quản lý đi tập huấn ở trường đối tác theo chế độ của Đề án 322.

- Ban hành các qui định phù hợp đảm bảo việc chi tiêu tài chính thuận lợi: mua sắm trang thiết bị; định mức thù lao cho giảng viên trong nước, giảng viên ngoài nước, trợ giảng, cố vấn học tập (theo TT 79 thì khó khăn) ... tránh phải chi phí nhiều thời gian cho việc thanh quyết toán. Cơ chế tài chính nên thoáng, đảm bảo kiểm soát sản phẩm và chất lượng đầu ra, cho phép các trường được tự chủ trong chi tiêu tài chính theo kế hoạch đã đặt ra và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt.

- Có kế hoạch tài chính ít nhất cho cả khóa và cho từng năm học để các trường chủ động trong triển khai, bố trí chi tiêu và hợp tác với trường đối tác.

- Kinh phí không nên cấp bình quân hàng năm, cơ cấu vốn cần cơ động, không khống chế tỉ lệ % cho từng mục chi, nhất là lại cứng và đồng loạt cho các năm, trong khi chi tiêu các khoản cho từng năm có khác nhau. Cho phép linh hoạt chi tiêu giữa các năm, chuyển sang năm sau nếu chưa chi hết.

- Có đề án tổng thể, văn bản pháp quy đầy đủ và thông tư liên bộ về cơ chế tài chính đặc thù/quy chế chi tiêu đặc biệt cho CTTT thì mới đảm bảo triển khai thành công.

II. Công việc triển khai sau đợt kiểm tra

Ngày 26/2/2007 Bộ trưởng và Thứ trưởng Bành Tiến Long đã họp với Vụ Đại học và Sau đại học nghe báo cáo về tình hình triển khai 10 CTTT năm 2006. Kết thúc cuộc họp Bộ trưởng đã lết luận:

1. Thành lập Ban chỉ đạo CTTT cấp Bộ do Thứ trưởng Bành Tiến Long làm Trưởng Ban, có sự tham gia của các Vụ: Đại học và Sau đại học, Kế hoạch-Tài chính, Hợp tác quốc tế, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng và Bộ Tài chính.

2. Xây dựng danh mục các văn bản pháp qui cần thiết cho việc tổ chức, thực hiện và quản lý CTTT.

3. Các trường được giao nhiệm vụ phải có Ban chỉ đạo, điều hành CTTT do Hiệu trưởng làm Trưởng Ban.

4. Căn cứ vào các yêu cầu và mục tiêu của CTTT, cần xây dựng các tiêu chí và bảng điểm để đánh giá tình hình triển khai CTTT của các trường về các vấn đề: sự sẵn sàng của trường, sự chuẩn bị về quản lý, những cam kết với trường đối tác, sự chuẩn bị sẵn sàng về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, đầu vào của sinh viên ... Trên cơ sở đó phân ra các nhóm: nhóm trường chuẩn bị tốt sẽ tiếp tục thực hiện CTTT; nhóm trường cần cố gắng để thực hiện CTTT; nhóm trường không được tiếp tục triển khai nữa, số tiền đã đầu tư cho CTTT sẽ coi như phần đầu tư của Bộ để nâng cao năng lực cho trường.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức cuộc họp sơ kết CTTT tại Đà Nẵng để các Hiệu trưởng báo cáo về tình hình triển khai của trường. Trên cơ sở xếp hạng, Bộ sẽ khuyến cáo các trường được tiếp tục triển khai hay phải củng cố, hoàn thiện hay phải dừng thực hiện và hỗ trợ tài chính theo theo thứ hạng của các trường.

Sau cuộc họp Vụ Đại học và Sau đại học đã tiến hành các việc sau:

1. Đã trình ký Quyết định thành lập Ban chỉ đạo CTTT do Thứ trưởng Bành Tiên Long làm Trưởng Ban (phụ lục 5).

2. Phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính dự thảo Thông tư liên Bộ về các định mức chi cho CTTT.

3. Dự thảo, gửi xin ý kiến đóng góp của 9 trường và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá các CTTT năm 2006. Dựa theo bộ tiêu chí, các trường tự chấm điểm CTTT của Trường. Trên cơ sở các bản đề án, kết quả kiểm tra tháng 01/2007 và các báo cáo bổ sung của các trường, Vụ Đại học và Sau đại học tiến hành chấm điểm 10 CTTT với quan điểm những tiêu chí còn chưa được minh chứng rõ ràng tạm thời không cho điểm. Kết quả chấm điểm của Vụ đại học và Sau đại học và kết quả tự chấm điểm của các trường được trình bày trong phụ lục 7.

Sau một học kỳ triển khai đào tạo CTTT, các trường đã thu được một số kết quả nhất định, đã đúc rút được một số bài học kinh nghiệm để cùng chia sẻ. Bên cạnh đó cũng bộc lộ những nhược điểm, những khó khăn vướng mắc đòi hỏi các trường phải kiện toàn lại tổ chức và cần có quyết tâm cao để triển khai các CTTT đạt được mục tiêu đề ra.

CÁC VẤN ĐỀ TẬP TRUNG THẢO LUẬN

- Giải pháp để vận hành đúng hướng và có hiệu quả các CTTT trong khi việc đào tạo theo học chế tín chỉ, cách thức quản lý tiên tiến, ứng dụng phần mềm quản lý hiện đại chưa vào nề nếp;

- Giải pháp mà trường có thể vận dụng để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm triển khai thành công CTTT (nguồn lực của trường, các nguồn tài trợ khác, học phí...);

- Giải pháp tổ chức và quản lý đào tạo CTTT để có tác động lan toả sang các ngành khác, các trường khác và toàn hệ thống;

- Giải pháp để thu hút sinh viên vào học các CTTT (việc làm sau tốt nghiệp, trao đổi sinh viên và giảng viên với trường đối tác, kiểm định chất lượng ...), từng bước thực hiện mục tiêu thu hút sinh viên quốc tế vào học các CTTT;

- Cách thức gắn CTTT với các hoạt động nghiên cứu khoa học (nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn, liên kết với trường đối tác ...);

- Giải pháp để phối hợp chặt chẽ giữa quản lý nhà nước và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tự chủ của các trường để vận hành tốt CTTT.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. Các CTTT triển khai năm 2006

TT	Tên trường	Ngành đào tạo	Tên trường đối tác	Tuyển sinh năm 2006	Ghi chú
1.	Trường ĐH KHTN ĐH Quốc gia HN	Hoá học, Chemistry	U. of Illinois at Urbana – Champaign, Ranking 4/100 Top USA&Canada Ranking 41/100 Top US New	40 (gộp cùng SV tài năng).	Đã ký MOA, mới chỉ có cam kết khung, chưa ký chi tiết, chưa cử GV đi tập huấn
2.	Trường ĐH KHTN ĐH Quốc gia TP HCM	CN thông tin Computer Science	Portland State University, Bang Oregon. Ranking: 25 Top 3000 Schools Universities: <i>theo Webometrics</i>	55 SV	Ký MOA, có điều phối viên của Trường đối tác, theo dõi quá trình ĐT, cam kết cấp bằng, GV đã đi tập huấn, trao đổi GV, SV
3.	Trường ĐH Bách khoa - ĐH Quốc gia TP HCM	Hệ thống năng lượng Electrical and Computer Engineering (major in Power and Energy System)	U. of Illinois at Urbana – Champaign Ranking 4/100 Top USA&Canada Ranking 41/100 Top US New	37 SV	Ký MOU cấp Khoa, GV đã đi tập huấn, đã dạy 4 môn chuyên môn bằng tiếng Anh, hướng pt tốt
4	Trường ĐH Cần Thơ	Công nghệ sinh học Biochemistry&Molecular Biology/Biology/Technology Major	Michigan State University Ranking 26/Top 100 USA & Canada Ranking 70/100 Top US New	27 SV	Ký MOU, GV đi tập huấn 01/07, Trường ĐT sang cùng XDCT, có thể cấp 2 bằng
5	ĐH Huế	Vật lý, Physics	University of Virginia Ranking 14/100 top USA & Canada Ranking 24/100 Top US New	26 SV	Ký MOU, GV đi tập huấn từ 29/01/07,
6	ĐH Đà Nẵng <i>Danang University</i>	Điện tử viễn thông Electronics Engineering	University of Washington Ranking 07/100 top USA & Canada; Ranking 42/100 Top US New về KT điện tử xếp thứ 22 ở Hoa Kỳ	46 SV	Ký MOA, có các điều khoản chi tiết, đã tập huấn về kiểm định chất lượng, trao đổi GV & SV, tháng 3/07 GV đi tập huấn
7	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Tài chính Finance	California State University - Long Beach	88 SV	Ký MOA, được tham khảo CTK và SD TLIệu GD liên quan, tiếp nhận GV sang

			Ranking: 27 Top Schools Universities-Master's (West) - USNew		USA BD, hỗ trợ XD CTK, GD, GV đi tập huấn 3/07
8	Trường ĐH Bách khoa HN	Cơ điện tử Mechatronics Engineering	California State University - Chico Ranking: 31 Top Schools Universities-Master's (West) - USNew Phát triển CT Cơ-Điện tử đầu tiên ở Hoa Kỳ	34 SV	Ký MOA cấp College, ĐD trường Đtác đã sang BKHN, GV đã đi tập huấn, đã mua đầy đủ giáo trình
9		Khoa học vật liệu Material Science and Engineering	U. of Illinois at Urbana – Champaign, Ranking 4/100 Top USA&Canada, Ranking 41/100 Top US New	18 SV	Ký MOU, GV đã đi tập huấn
10	Trường ĐH Nông nghiệp I	Khoa học cây trồng Plant Science	University of California – Davis Ranking 27/100 Top USA & Canada, Ranking 47/100 Top US New	49 SV	Ký MOA, ĐD trường đtác đã sang làm việc ở HAU, GV đi tập Huấn 3/07

PHỤ LỤC 6. Bảng đánh giá xếp hạng 10 CTTT năm 2006

TT	Trường	CTTT	Trường đánh giá	Ch.viên đánh giá
1.	Trường ĐH Khoa học tự nhiên Tp HCM	Công nghệ thông tin	98	78
2.	Trường ĐH Cần Thơ	Công nghệ sinh học	83	72
3.	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Cơ - Điện tử	78	70
4.	Trường ĐH Bách khoa Tp HCM	Hệ thống năng lượng	80	67
5.	Đại học Đà Nẵng	Điện tử viễn thông	82	66
6.	Trường ĐH Nông nghiệp I	Khoa học cây trồng	79	65
7.	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Tài chính	85	64
8.	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Khoa học và kỹ thuật vật liệu	73	60
9.	Trường ĐH Khoa học tự nhiên Hà Nội	Hoá học	73	54
10.	Đại học Huế	Vật lý	67	51

PHỤ LỤC 7. Bảng kết quả chấm điểm các CTTT

Tổng số điểm đánh giá : Tối đa 100 điểm

Nguyên tắc : Đáp ứng đúng tiêu chí – Đạt số điểm tương ứng

Không đáp ứng tiêu chí – Không có điểm

1. Ngành Công nghệ Thông tin - Trường ĐH Khoa học tự nhiên – ĐH Quốc gia Tp HCM,

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Trườ ng ĐG	Ch.viên ĐG
1.	Sự sẵn sàng của Trường đối với việc triển khai CTTT-10%			
1.1	Thành lập Ban chỉ đạo CTTT cấp Trường : - Trước tháng 5/2006 - Từ tháng 5 – tháng 8-2006	2 1	0	1
1.2	Ban hành các chính sách về CTTT : - Quy chế tạm thời về CTTT trước tháng 8/2006 - Những qui định ưu tiên sử dụng thiết bị dạy-học, thư viện, phòng máy nối mạng internet, phòng thí nghiệm - Qui định về thù lao cho giảng viên, trợ giảng, cố vấn học tập	2 2 2 2	2 2 2 2	2 2
1.3	Đáp ứng đúng kế hoạch và tiến độ của Bộ : tiếp xúc với trường đối tác; xây dựng đề án; phê duyệt chương đào tạo; quyết toán tài chính.	2	2	
2	Quan hệ với trường đối tác – 20%			
2.1	Trường đối tác trong top 100 tại Hoa Kỳ theo US. New	1	0	
2.2	Ký văn bản hợp tác với Trường đối tác	1	0	1
2.3	Trong văn bản hợp tác, Trường đối tác thỏa thuận : - Giúp đỡ xây dựng chương trình đào tạo, cho phép sử dụng chương trình gốc, cho phép sử dụng giáo trình - Tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm - Cử giảng viên tham gia giảng dạy CTTT - Trao đổi sinh viên, giảng viên trong quá trình đào tạo - Giúp kiểm định chất lượng - Giám sát đào tạo, cấp bằng	1 2 3 3 3 4	0 2 3 3 3 4	1 2 3 3 3 4
2.4	Đại diện Trường đối tác đã sang làm việc về CTTT	2	2	2
3	Chuẩn bị cơ sở vật chất – 10%			
3.1	Lớp học dành riêng cho CTTT	1	0	1
3.2	Có phòng thí nghiệm, thiết bị tiên tiến phục vụ cho CTTT	3	3	3
3.3	Mạng internet hoạt động tốt	1	0	1
3.4	Thư viện : - Trung tâm thông tin đảm bảo tốt cho dạy – học theo CTTT - Phòng máy nối mạng đủ về số lượng và chất lượng tốt	2 2	2 2	2 2

3.5	Văn phòng điều hành CTTT	1	①	
4	Đội ngũ giảng viên – 15%			
4.1	Có giảng viên cơ hữu thuộc CTTT của Trường đã giảng dạy ở nước ngoài bằng tiếng Anh	2	2	2
4.2	Giảng viên cơ hữu có bằng ThS, TS và đủ trình độ tiếng Anh để tham gia CTTT: - Có từ 15 giảng viên trở lên - Có 10-14 giảng viên	3 2	3	3
4.3	Trong số giảng viên cơ hữu tham gia CTTT, số giảng viên được đào tạo ở nước nói tiếng Anh : - Từ 15 người trở lên - Từ 10 người đến 14 người - Từ 5 người đến 9 người - Từ 1 người đến 4 người	4 3 2 1	④	4
4.4	Số giảng viên đã tập huấn ở Trường đối tác trong 2-3 tháng - 01 giảng viên - 02 giảng viên - 03 giảng viên - 04 giảng viên	1 2 3 4	⑤	3
4.5	Chuẩn bị nguồn giảng viên cho CTTT – số giảng viên cơ hữu của Trường đang theo học các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ bằng tiếng Anh ở nước ngoài, chuyên ngành đào tạo phù hợp với CTTT : - Trên 5 người - Từ 2 đến 5 người	2 1	②	2
5	Tuyển sinh – 10%			
5.1	Có thông tin quảng cáo tuyên truyền về CTTT	1	①	1
5.2	Qui trình tuyển sinh đảm bảo tuyển đúng đối tượng, đúng mục tiêu của CTTT, không xảy ra khiếu nại, thắc mắc	2	②	2
5.3	Số lượng sinh viên được tuyển : - Từ 30 sinh viên trở lên - Từ 20 đến 29 sinh viên	3 2	3	3
5.4	Điểm tiếng Anh trúng tuyển : - Từ 450 TOEFL hoặc 5.0 IELTS trở lên - Đạt từ 50% trở lên số điểm theo đáp án đề thi của Trường	4 2	4	4
6	Tổ chức và quản lý đào tạo – 15%			
6.1	Dạy tiếng Anh có hiệu quả : - Giáo viên bản ngữ - Sử dụng thiết bị giảng dạy hiện đại	3 1	3 ①	3 1
6.2	Kế hoạch giảng dạy năm thứ nhất : - Chỉ dạy tiếng Anh xen với môn chính trị - Dạy thêm môn chuyên môn bằng tiếng Anh	1 2	②	2
6.3	Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ	2	②	2

6.4	Có kế hoạch thuê/mời giảng viên Trường đối tác qua các năm học	2	2	2
6.5	Có bộ phận quản lý riêng cho CTTT	2	2	2
6.6	Cán bộ quản lý đã tập huấn 01 tháng trở lên ở trường đối tác	1	1	1
6.7	Ứng dụng phần mềm quản lý tiên tiến	2	2	
7	Chương trình đào tạo – 5%			
7.1	Xây dựng chương trình đào tạo : - Bám sát chương trình gốc (thay các môn khoa học xã hội và nhân văn bằng các môn qui định chung) - Bổ sung sửa đổi dưới 10% kiến thức chuyên ngành	2 1	2	2
7.2	Có đầy đủ các thông tin (thông tin chung, mục tiêu đào tạo, thời gian đào tạo, cách thức đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, nội dung chương trình, kế hoạch học tập huấn, mô tả vắn tắt nội dung các môn học)	2	2	2
7.3	Có trên 02 môn học lựa chọn	1	1	1
8	Đề án triển khai đào tạo theo chương trình tiên tiến – 10%			
8.1	Mục tiêu rõ ràng, đúng hướng chỉ đạo của Bộ	1	1	1
8.2	Giới thiệu rõ ràng về trường đối tác	1	1	
8.3	Có kèm theo chương trình gốc	1	1	1
8.4	Phân tích chương trình gốc, xây dựng chương trình đào tạo	2	2	
8.5	Có kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên	1	1	
8.6	Có cách thức tổ chức, quản lý đào tạo và phương pháp đánh giá	1	1	1
8.7	Có kế hoạch kiểm định chất lượng	1	1	
8.8	Có dự kiến kinh phí	1	1	1
8.9	Có phân tích hiệu quả đào tạo theo CTTT	1	1	
9	Đảm bảo tài chính – 5%			
9.1	Trường đóng góp nguồn lực vào đào tạo CTTT	1	1	1
9.2	Huy động các nguồn lực khác	2	2	
9.3	Mức thu học phí : - Thu từ 500.000 đ/tháng trở lên - Thu từ 180.000đ đến dưới 500.000đ/tháng	2 1	2	1
10	Tổng số	100	98	78

2. Ngành Công nghệ sinh học - Trường Đại học Cần Thơ

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Trường ĐG	C.viên n ĐG
1.	<i>Sự sẵn sàng của Trường đối với việc triển khai CTTT - 10%</i>			
1.1	Thành lập Ban chỉ đạo CTTT cấp Trường: - Trước tháng 5/2006 - Từ tháng 5 – tháng 8/2006	2 1	2 2	2 2
1.2	Ban hành các chính sách về CTTT:			

1.3	<ul style="list-style-type: none"> - Qui chế tạm thời về CTTT trước tháng 8/2006 - Những qui định ưu tiên sử dụng thiết bị dạy-học, thư viện, phòng máy nối mạng internet, phòng thí nghiệm - Qui định thù lao cho giảng viên, trợ giảng, cố vấn học tập <p>Đáp ứng đúng kế hoạch và tiến độ của Bộ: tiếp xúc với trường đối tác; xây dựng đề án; phê duyệt chương trình đào tạo; quyết toán tài chính.</p>	2 2 2 2	2 2 2 2	2 2 2 2
2	Quan hệ với trường đối tác – 20%			
2.1	Trường đối tác trong top 100 tại Hoa Kỳ theo US. New	1	1	1
2.2	Ký văn bản hợp tác với Trường đối tác	1	1	1
2.3	Trong văn bản hợp tác, Trường đối tác thoả thuận:			
	- Giúp đỡ xây dựng chương trình đào tạo, cho phép sử dụng chương trình gốc, cho phép sử dụng giáo trình	1	1	1
	- Tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm	2	2	2
	- Cử giảng viên tham gia giảng dạy CTTT	3	3	3
	- Trao đổi sinh viên, giảng viên trong quá trình đào tạo	3	3	
	- Giúp kiểm định chất lượng	3	3	
	- Giám sát đào tạo, cấp bằng	4		
2.4	Đại diện Trường đối tác đã sang Trường làm việc về CTTT	2	2	2
3	Chuẩn bị cơ sở vật chất - 10%			
3.1	Lớp học dành riêng cho CTTT	1	1	1
3.2	Có phòng thí nghiệm, thiết bị tiên tiến phục vụ cho CTTT	3	3	3
3.3	Mạng internet hoạt động tốt	1	1	1
3.4	Thư viện:			
	- Trung tâm thông tin đảm bảo tốt cho dạy-học theo CTTT	2	2	2
	- Phòng máy nối mạng đủ về số lượng và chất lượng tốt	2	2	2
3.5	Văn phòng điều hành CTTT	1	1	1
4	Đội ngũ giảng viên - 15%			
4.1	Có giảng viên cơ hữu thuộc CTTT của Trường đã giảng dạy ở nước ngoài bằng tiếng Anh	2	2	2
4.2	Giảng viên cơ hữu có bằng ThS, TS và đủ trình độ tiếng Anh để tham gia CTTT:			
	- Có từ 15 giảng viên trở lên	3	3	3
	- Có 10 -14 giảng viên	2		
4.3	Trong số giảng viên cơ hữu tham gia CTTT, số giảng viên được đào tạo ở nước nói tiếng Anh:			
	- Từ 15 người trở lên được	4	4	4
	- Từ 10 người đến 14 người	3		
	- Từ 5 người đến 9 người	2		
	- Từ 1 người đến 4 người	1		
	Số giảng viên đã đi tập huấn ở Trường đối tác trong 2 – 3 tháng			

4.4	<ul style="list-style-type: none"> - 01 giảng viên - 02 giảng viên - 03 giảng viên - 04 giảng viên 	1 2 3 4		
4.5	<p>Chuẩn bị nguồn giảng viên cho CTTT - số giảng viên cơ hữu của Trường đang theo học các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ bằng tiếng Anh ở nước ngoài, chuyên ngành đào tạo phù hợp với CTTT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 5 người - Từ 2 đến 5 người 	2 1	4 2	4 2
5	Tuyển sinh - 10%			
5.1	Có thông tin quảng cáo tuyên truyền về CTTT	1	1	1
5.2	Quy trình tuyển sinh đảm bảo tuyển đúng đối tượng, đúng mục tiêu của CTTT, không xảy ra khiếu nại, thắc mắc	2	2	2
5.3	Số lượng sinh viên được tuyển:			
	- Từ 30 sinh viên trở lên	3		
	- Từ 20 đến 29 sinh viên	2	2	2
5.4	Điểm tiếng Anh trúng tuyển:			
	- Từ 450 TOEFL hoặc 5.0 IELTS trở lên	4		
	- Đạt từ 50% trở lên số điểm theo đáp án đề thi của Trường	2	2	2
6.	Tổ chức và quản lý đào tạo - 15%			
6.1	Dạy tiếng Anh có hiệu quả:			
	- Giáo viên bản ngữ	3		
	- Sử dụng thiết bị giảng dạy hiện đại	1	1	1
6.2	Kế hoạch giảng dạy năm thứ nhất:			
	- Chỉ dạy tiếng Anh xen với môn chính trị	1		
	- Dạy thêm môn chuyên môn bằng tiếng Anh	2	2	2
6.3	Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ	2	2	2
6.4	Có kế hoạch thuê/mời giảng viên Trường đối tác qua các năm học	2	2	2
6.5	Có bộ phận quản lý riêng cho CTTT	2	2	2
6.6	Cán bộ quản lý đã tập huấn 01 tháng trở lên ở trường đối tác	1	1	1
6.7	Ứng dụng phần mềm quản lý tiên tiến	2	2	
7.	Chương trình đào tạo - 5%			
7.1	Xây dựng chương trình đào tạo:			
	- Bám sát chương trình gốc (thay các môn khoa học xã hội và nhân văn bằng các môn qui định chung)	2	2	2
	- Bổ sung sửa đổi dưới 10% kiến thức chuyên ngành	1	1	1
7.2	Có đầy đủ các thông tin (thông tin chung, mục tiêu đào tạo, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, cách thức đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, nội dung chương trình, kế hoạch học tập chuẩn, mô tả vận tải nội dung các môn học)			

7.3	trình, kế hoạch học tập chuẩn, mô tả vắn tắt nội dung các môn học) Có trên 02 môn học lựa chọn	2 1	2 1	2 1
8.	Đề án triển khai đào tạo theo chương trình tiên tiến - 10%			
8.1	Mục tiêu rõ ràng, đúng hướng chỉ đạo của Bộ	1	1	1
8.2	Giới thiệu rõ ràng về trường đối tác	1	1	
8.3	Có kèm theo chương trình gốc	1	1	
8.4	Phân tích chương trình gốc để xây dựng chương trình đào tạo	2	2	
8.5	Có kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên	1	1	1
8.6	Có cách thức tổ chức, quản lý đào tạo và phương pháp đánh giá	1	1	1
8.7	Có kế hoạch kiểm định chất lượng	1	1	
8.8	Có dự kiến kinh phí	1	1	1
8.9	Có phân tích hiệu quả đào tạo theo CTTT	1		
9.	Đảm bảo tài chính - 5%			
9.1	Trường đóng góp nguồn lực vào đào tạo CTTT	1	1	1
9.2	Huy động các nguồn lực khác	2	2	
9.3	Mức thu học phí: - Thu từ 500.000đ/tháng trở lên - Thu từ 180.000đ đến dưới 500.000đ/tháng	2 1		1 1
10	Tổng số	100	83	72

3. Ngành Cơ - Điện tử - Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Tự ĐG	Tự ĐG
1.	Sự sẵn sàng của Trường đối với việc triển khai CTTT - 10%			
1.1	Thành lập Ban chỉ đạo CTTT cấp Trường: - Trước tháng 5/2006 - Từ tháng 5 – tháng 8/2006	2 1	2	2
1.2	Ban hành các chính sách về CTTT: - Quy chế tạm thời về CTTT trước tháng 8/2006 - Những quy định ưu tiên sử dụng thiết bị dạy-học, thư viện, phòng máy nối mạng internet, phòng thí nghiệm - Quy định thù lao cho giảng-viên, trợ giảng, cố vấn học tập	2 2 2	2	2
1.3	Đáp ứng đúng kế hoạch và tiến độ của Bộ: tiếp xúc với trường đối tác; xây dựng đề án; phê duyệt chương trình đào tạo; quyết toán tài chính. 8	2	2	2
2	Quan hệ với trường đối tác - 20%			
2.1	Trường đối tác trong top 100 tại Hoa Kỳ theo US. New	1		
2.2	Ký văn bản hợp tác với Trường đối tác	1	1	1
2.3	Trong văn bản hợp tác, Trường đối tác thoả thuận: - Giúp đỡ xây dựng chương trình đào tạo, cho phép sử dụng chương trình gốc, cho phép sử dụng giáo trình - Tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm	1 2	1 2	1 2

= chuy hie DT xep lai hoi hoi
= chuy hie - ky an chat luy Cao. | 26 được hoi hoi 200 000 /ky/so

	- Cử giảng viên tham gia giảng dạy CTTT - Trao đổi sinh viên, giảng viên trong quá trình đào tạo	3 3	3 3	3 3
2.4	- Giúp kiểm định chất lượng - Giám sát đào tạo, cấp bằng Đại diện Trường đối tác đã sang Trường làm việc về CTTT	3 4 11	2 2	2 2
3	Chuẩn bị cơ sở vật chất - 10%			
3.1	Lớp học dành riêng cho CTTT	1	1	1
3.2	Có phòng thí nghiệm, thiết bị tiên tiến phục vụ cho CTTT	3	3	3
3.3	Mạng internet hoạt động tốt	1	1	1
3.4	Thư viện: - Trung tâm thông tin đảm bảo tốt cho dạy-học theo CTTT - Phòng máy nối mạng đủ về số lượng và chất lượng tốt	2 2	2 2	2 2
3.5	Văn phòng điều hành CTTT	10	1	1
4	Đội ngũ giảng viên - 15%			
4.1	Có giảng viên cơ hữu thuộc CTTT của Trường đã giảng dạy ở nước ngoài bằng tiếng Anh	2	2	2
4.2	Giảng viên cơ hữu có bằng ThS, TS và đủ trình độ tiếng Anh để tham gia CTTT:			
4.3	- Có từ 15 giảng viên trở lên - Có 10 -14 giảng viên	3 2	3	3
4.4	Trong số giảng viên cơ hữu tham gia CTTT, số giảng viên được đào tạo ở nước nói tiếng Anh:			
	- Từ 15 người trở lên được	4		
	- Từ 10 người đến 14 người	3		
	- Từ 5 người đến 9 người	2	2	2
	- Từ 1 người đến 4 người	1		
4.5	Số giảng viên đã đi tập huấn ở Trường đối tác trong 2 – 3 tháng			
	- 01 giảng viên	1		
	- 02 giảng viên	2		
	- 03 giảng viên	3		
	- 04 giảng viên	4	4	4
4.6	Chuẩn bị nguồn giảng viên cho CTTT - số giảng viên cơ hữu của Trường đang theo học các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ bằng tiếng Anh ở nước ngoài, chuyên ngành đào tạo phù hợp với CTTT:			
	- Trên 5 người	2	2	2
	- Từ 2 đến 5 người	13	1	
5	Tuyển sinh - 10%			
5.1	Có thông tin quảng cáo tuyên truyền về CTTT	1	1	1
5.2	Quy trình tuyển sinh đảm bảo tuyển đúng đối tượng, đúng mục tiêu của CTTT, không xảy ra khiếu nại, thắc mắc	2	2	2
5.3	Số lượng sinh viên được tuyển:			
	- Từ 30 sinh viên trở lên	3	3	3
	- Từ 20 đến 29 sinh viên	2		
5.4	Điểm tiếng Anh trúng tuyển:			